

Số: 594 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2019

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thi công xây dựng cầu đường Hồng An và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 10/5/2019,

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thi công xây dựng cầu đường Hồng An,
Mã số doanh thuế: 0305984693

Địa chỉ: 349/141 Lê Đại Hành – Phường 13 – Quận 11 – TP. HCM

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Thí Nghiệm vật liệu và kiểm định công trình

Địa chỉ phòng thí nghiệm: 144 Thái Bình 1 – Phường Long Bình – Quận 9 – TP. HCM

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 1841**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp/.

Nơi nhận:

- Cty TNHH TM DV Thi công xây dựng cầu đường Hồng An;
- Sở XD Hồ Chí Minh;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT

TL. BỘ TRƯỞNG

VỤ TRƯỞNG

VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1841

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 594 /GCN-BXD, ngày 30 tháng 5 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
1	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	- Thành phần cỡ hạt; Xác định thành phần thạch học; Xác định khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước; Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích của đá gốc và cốt liệu lớn; Xác định khối lượng thể tích và độ xốp, độ hồng; Xác định độ ẩm; Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; Xác định tạp chất hữu cơ; Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc; Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn; Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angles); Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn; Xác định hàm lượng clorua; Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa; Xác định hàm lượng Clorua; Xác định hàm lượng Sulfat – sulfit; Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ; Xác định hàm lượng mica.	TCVN 7572:2006
2	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
	- Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall; Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm; Xác định thành phần hạt; Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời; Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén; Phương pháp xác định độ chảy nhựa; Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát; Phương pháp xác định hệ số độ lu lèn; Phương pháp xác định độ rỗng dư; Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu; Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa; Phương pháp xác định độ ổn định của bê tông nhựa;	TCVN 8860:2011;
3	NHỰA BITUM	
	- Xác định độ kim lún	TCVN 7495:05
	- Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:05
	- Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05
	- Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05
	- Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:05
	- Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:05
	- Xác định khối lượng riêng ở 25 ⁰ c	TCVN 7501:05
	- Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:05
	- Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:05



TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	- Xác định hàm lượng Paraphin	TCVN 7503:05
4	NHỰA ĐƯỜNG POLIME	
	Xác định: Nhiệt độ hóa mềm, độ kim lún, nhiệt độ bắt lửa, lượng tổn thất, tỉ lệ độ kim lún, Lượng hòa tan trong Trichloroethylene, Khối lượng riêng ở 25°C, Độ dính bám với đá, Độ đàn hồi, độ ổn định, độ nhớt ở 135°C.	22TCN 319:04
5	THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BTN	
	- Thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Hàm lượng nước; Khối lượng riêng của bột khoáng; Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng; Hàm lượng chất hòa tan trong nước; Hệ số háo nước; KL-TT và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường; Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58:1984
6	NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG GÓC AXIT	
	- Xác định độ lắng và ổn định lưu trữ; Xác định hàm lượng hạt quá cỡ; Xác định điện tích hạt; Xác định độ khử nhũ; Thử nghiệm trộn với xi măng; Xác định độ dính bám và tính chịu nước; Xác định độ bay hơi; Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường, Xác định độ nhớt Saybolt Furol, Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8817:11
7	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
	- Đo dung trọng, độ ẩm bằng PP dao đai.	22TCN 02-71
	- Độ ẩm, khối lượng TT bằng PP rót cát.	22TCN 346:06
	- Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m.	TCVN 8864:11
	-Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng	TCVN 8861:11
	-Xác định mô đun đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép lớn	TCVN 8861:2011
	-Xác định mô đun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkelman	TCVN 8867:11
	-Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11

Ghi chú (*) Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.